

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 187/2024/DS-ST
Ngày 04 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Châu Tr Trực

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm D.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Ph, xã Tân Tr, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Võ Văn H; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Ph, xã Tân Tr, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Tô Thị T; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Ph, xã Tân Tr, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông B trình bày:

Bà T và ông H có tham gia hội do ông làm chủ, Ngày 20/8/2023 con bà T là Võ Văn H làm biên nhận nợ, thừa nhận còn nợ ông số tiền hội 66.100.000

đồng. Ngoài ra, bà T và anh H còn nợ tiền hội chết 1.000.000 đồng, nói trả riêng cho ông nên không ghi vào biên nhận.

Vào ngày 09/4/2022 (al) ông có mở dây hội 1.000.000 đồng, gồm 42 phần thì bà T tham gia 01 phần, H tham gia 01 phần, đến kì khai thứ 24 bà T đòi hốt hội, ông không cho hốt nên các bên phát sinh tranh chấp từ ngày 19/02/2024, cũng từ đó đến nay bà T và ông H không đóng hội, do H là con bà T nên khi mở hội bà T xin tham gia 1 phần, và yêu cầu cho H tham gia 1 phần. Từ khi mở hội đến thời điểm phát sinh tranh chấp đều do bà T trực tiếp giao dịch với ông. Từ ngày 19/2/2024 đến nay bà T và H cũng không tham gia đóng hội trong dây hội này. Như vậy, trong dây hội này bà T và ông H có đóng được 23 kỳ x 2 phần = 46.000.000 đồng, trừ với số tiền hội chết trong các dây hội trước đây còn nợ thì bà T và ông H còn nợ ông số tiền hội là 21.100.000 đồng.

Nay ông yêu cầu bà T và ông H trả cho ông số tiền hội 21.100.000 đồng.

* *Đối với anh Võ Văn H và bà Tô Thị T*: Mặc dù đã được tổng đạt H lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của ông B nhưng anh H và bà T không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà Tô Thị T và anh Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập H lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông B khởi kiện yêu cầu bà T và anh H trả số tiền hội nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hội, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo Giấy biên nhận ngày 20/8/2023 âm lịch thể hiện có chữ ký của anh H và bà T thừa nhận còn nợ ông B số tiền 66.100.000 đồng theo danh sách hội viên đối với dây hội nêu trên có thể hiện bà T và ông H là hội viên. Do đó, có cơ sở xác định bà T và anh H có nợ B số tiền hội theo biên nhận nợ và có tham gia hội như ông B trình bày. Quá trình tham gia hội bà T yêu cầu được hốt hội nhưng không đồng ý trả khoản nợ hội trước đó, ông B không đồng ý cho hốt hội nên các bên phát sinh tranh chấp, anh H và bà T cũng ngưng việc góp hội từ ngày 19/02/2024 đến nay. Tính từ ngày mở hội đến khi ngưng góp thì anh H và bà T góp được 23 kỳ x 2 phần = 46.000.000 đồng. Ông B yêu cầu trừ với số nợ 66.100.000 đồng = 20.100.000 đồng. Ngoài ra, bà T và anh H còn nợ 1.000.000 đồng tiền hội chết không ghi vào biên nhận, hứa trả ngay cho ông nhưng sau đó không thực hiện. Xét thấy, bà T và anh H nợ tiền hội ông B không trả đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích H pháp của ông B nên việc ông B khởi kiện yêu cầu toà án giải quyết buộc bà T và anh H trả nợ là phù H.

Đối với bà T và anh H đã được Tòa án tổng đạt H lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của ông B, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối H với Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông B thuộc trường H những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ các lập luận nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B. Buộc bà T và anh H có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền hui 21.100.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Văn B không phải chịu; bà T và anh H phải chịu 1.055.000 đồng (21.100.000 đồng x 5% = 1.055.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B. Buộc bà Tô Thị T và anh Võ Văn H trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền hui 21.100.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T và anh H chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà T và anh H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Văn B không phải chịu; bà Tô Thị T và anh Võ Văn H phải chịu 1.055.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tổng đạt H lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai